

CÔNG TY CP THAN MIỀN TRUNG

Số: 96/T.M.T

V/v: *Đính chính báo cáo tài chính
đã được kiểm toán năm 2018***Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước,
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội,
- Các cơ quan liên quan, Các cổ đông.**

Để đảm bảo thông tin công bố chính xác, nay Công ty Cổ phần Than Miền Trung xin gửi công văn đính chính cho Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018 như sau:

1. Nội dung thuyết minh trên Báo cáo tài chính mục “V.3-Phải thu khách hàng”

Tên Công ty	Giá trị (đã trình bày)	Giá trị (đính chính lại)
Công ty TNHH TM và DV Đức Long Thịnh	15.021.371.550	10.012.365.350

2. Nội dung thuyết minh trên Báo cáo tài chính mục “VI.1-Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Doanh thu	Giá trị (đã trình bày)	Giá trị (đính chính lại)
Doanh thu bán hàng hóa	422.196.655.372	421.232.378.560
Doanh thu khác	1.134.589.095	2.098.865.907

3. Nội dung thuyết minh trên Báo cáo tài chính mục “VI.9-Chi phí khác”

Chi phí khác	Giá trị (đã trình bày)	Giá trị (đính chính lại)
Chi phí phạt thuế	60.542.549	
Vi phạm hành chính số 111/QĐ-XPVPHC ngày 04/05/18 của thanh tra UBCKNN		50.000.000
Chi phí vi phạm hành chính		10.542.549

Đánh giá nội dung sai sót: Công ty cam kết các nội dung sai sót trên đây chỉ là lỗi sai trong trình bày mà hoàn toàn không làm ảnh hưởng đến nội dung hoặc làm sai lệch các số liệu liên quan khác trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Trân trọng kính chào.

Công ty Cổ phần Than Miền Trung
Giám đốc

Trần Thế Hiếu

XÁC NHẬN CỦA CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP. HỒ CHÍ MINH

Chúng tôi kiểm tra các thông tin trên, những thay đổi trên là phù hợp và không làm ảnh hưởng đến ý kiến của Chúng tôi về Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của **Công ty Cổ phần Than Miền Trung** cho năm tài chính 2018 như đã trình bày trong Báo cáo của kiểm toán viên số: B0418055-2-R/AISDN-DN ngày 04 tháng 03 năm 2019.

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2019

KT. Tổng Giám đốc

Phó Giám đốc



NGUYỄN THỊ HIỆP

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

20. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

21. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2018		01/01/2018	
Tiền	17.299.662.157		6.934.154.947	
Tiền mặt	204.745.155		454.324.210	
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.094.917.002		6.479.830.737	
Cộng	17.299.662.157		6.934.154.947	
2. Các khoản đầu tư tài chính (xem trang 32)				
3. Phải thu của khách hàng	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	85.474.092.519	(39.773.318.357)	95.944.946.817	(40.416.441.187)
Khách hàng trong nước	85.474.092.519	(39.773.318.357)	95.944.946.817	(40.416.441.187)
Công ty CP Đồng Xanh	19.939.353.426	(19.939.353.426)	19.939.353.426	(19.939.353.426)
Công ty CP COSEVCO 6	11.871.632.196	(11.871.632.196)	12.221.632.196	(12.221.632.196)
Công ty TNHH TM và DV Đức Long Thịnh	10.012.365.350	-	14.235.235.000	-
Khách hàng khác	43.650.741.547	(7.962.332.735)	49.548.726.195	(8.255.455.565)
Cộng	85.474.092.519	(39.773.318.357)	95.944.946.817	(40.416.441.187)
b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan				
Công ty CP Than Miền Nam				
- Vinacomin	-	-	1.007.597.657	-
Cộng	-	-	1.007.597.657	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

đ. Cổ phiếu	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.602.590	5.602.590
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.602.590	5.602.590
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.602.590</i>	<i>5.602.590</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.602.590	5.602.590
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.602.590</i>	<i>5.602.590</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp	31/12/2018	01/01/2018
Quỹ đầu tư phát triển	12.025.870.209	12.025.870.209
Cộng	12.025.870.209	12.025.870.209

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2018	Năm 2017
a. Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa	421.232.378.560	419.490.684.904
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.437.412.415	8.557.919.453
Doanh thu hoạt động khác	2.098.865.907	1.553.497.516
Cộng	428.768.656.882	429.602.101.873
b. Doanh thu đối với các bên liên quan	Năm 2018	Năm 2017
- Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	5.437.412.415	8.557.919.453
- Công ty CP Than Miền Nam-Vinacomin	-	8.768.926.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm 2018	Năm 2017
Hàng bán bị trả lại	-	23.989.091
Cộng	-	23.989.091
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu thuần bán hàng hóa	421.232.378.560	419.466.695.813
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	5.437.412.415	8.557.919.453
Doanh thu thuần của hoạt động khác	2.098.865.907	1.553.497.516
Cộng	428.768.656.882	429.578.112.782
4. Giá vốn hàng bán	Năm 2018	Năm 2017
Giá vốn của hàng hóa đã bán	380.289.930.604	377.620.495.429
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.158.284.587	8.383.145.968
Cộng	383.448.215.191	386.003.641.397

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2018	Năm 2017
9. Chi phí khác		
Vi phạm hành chính số 111/QĐ-XPVPHC ngày 04/05/18 của thanh tra UBCKNN	50.000.000	-
Chi phí vi phạm hành chính	10.542.549	110.198.845
Giá trị tổn thất chìm tàu Bình Nguyên 86 (*)	2.513.641.050	-
Cộng	2.686.689.645	110.247.700
(*) Giá trị tổn thất chìm tàu Bình Nguyên 86 là: 2.513.641.050 đồng đã được Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Than Miền Trung thống nhất xử lý vào chi phí theo Nghị quyết số 283/NQ-HĐQT ngày 03 tháng 10 năm 2018.		
Thuyết minh hoạt động thanh lý tài sản	Năm 2018	Năm 2017
Thu từ thanh lý	81.818.182	-
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	-	-
Lãi/(lỗ) từ thanh lý tài sản	81.818.182	-
10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	244.212.815.863	143.470.375.716
Chi phí nhân công	16.222.885.702	7.540.768.310
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.161.801.038	1.324.888.682
Dự phòng phải thu khó đòi	(52.398.076)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.454.522.196	12.772.298.117
Chi phí khác bằng tiền	4.922.273.982	2.667.183.198
Cộng	287.921.900.705	167.775.514.023
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2018	Năm 2017
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.742.110.149	3.001.164.615
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	192.581.160	208.197.700
- Các khoản điều chỉnh tăng	192.581.160	221.697.700
+ Chi phí phạt vi phạm hành chính	60.542.549	110.247.700
+ Chi phí khấu hao vượt mức quy định	111.450.000	111.450.000
+ Chi phí tiền lương chưa chi hết đến 30/06/2018	12.338.611	-
+ Chi phí không được trừ khác	8.250.000	48.855
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	13.500.000
+ Cổ tức được chia	-	13.500.000
3. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành (1+2)	3.934.691.309	3.209.362.315
4. Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	786.938.262	641.872.463
12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.955.171.887	2.359.292.152
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	(118.256.152)
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(118.256.152)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(118.256.152)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.955.171.887	2.241.036.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.602.590	5.602.590
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	527	400